TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2023
"V/v chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Tuý và bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02A/TB-TA ngày 22/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1967

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952

Nơi cư trú: Thôn 5x, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959

3. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1963

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ông Vũ Duy H, sinh năm 1965

2. Ông Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1971

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

4. Bà Vũ Thị Ph, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt bà Ch; vắng mặt ông D, ông D1, bà L, bà Ph, bà N, ông H, ông Th và anh Ch1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2021; bản tự khai ngày 09/8/2022; các biên bản lấy lời khai; trình bày tại phiên hoà giải ngày 16/01/2023 và tại phiên toà, nguyên đơn bà Vũ Thị Ch trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân nên bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình với ông D. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22/12/2021, Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã giải quyết: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn D; không giải quyết vấn đề con chung do 02 con chung (Nguyễn Văn Ch1, sinh ngày 10/9/1991 và Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 21/11/1994) đều đã trưởng thành; đồng thời phân chia tài sản (gồm tài sản chung, riêng và nợ) giữa bà vào ông D. Không nhất trí với bản án sơ thẩm về phần tài sản, bà đã kháng cáo bản án. Tại bản án phúc thẩm số 11/2022/HNGĐ-PT ngày 08-6-2022, Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã huỷ phần quan hệ tài sản của bản án sơ thẩm giao Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ xét xử sơ thẩm lại. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, con chung đã có hiệu lực pháp luật.

Sau khi Toà án thụ lý lại giải quyết lại vụ án về quan hệ tài sản, bà cơ bản giữ nguyên lời khai đã khai trước và bổ sung cụ thể như sau:

1. Về tài sản:

1.1. Các tài sản chung bà và ông D đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm:

- Tài sản ông D được sở hữu, sử dụng gồm: 01 máy bơm nước Z100 công suất 0,75KW trị giá 500.000 đồng; 01 đôi loa UBL; 01 ti vi Imusic; 01 đôi loa Sato; 01 âm ly paramax SA - 999XP; 01 cục phát wifi; 03 quạt điện cơ Hoa Phượng; 01 quạt trần; 02 chiếc giường gỗ; 02 đệm; 01 đồng hồ treo tường; 01 tủ quần áo nhựa; hệ thống điện; 01 kệ gỗ ép 1.8m x0.5mx 0.8m; 01 ghế gỗ salon; 01 bàn nhựa; 01 cái võng; 01 bàn thờ; 02 ghế gỗ; 01 bàn gỗ 1m; 01 tủ gỗ ocan 1.8m x 2m; 01 bộ loa vi tính; 01 máy hàn điện FUKA; 03 quạt điện cơ; 01 bàn gội đầu;

01 ghế gội đầu; 01 bàn nhựa 70cm; 01 tủ nhôm kính 2m x 1m; 01 tủ nhôm kính loại nhỏ 1m x 0.5m; 01 tủ gỗ ocan 2m x1.2m; 01 giường gỗ; 1 máy rửa xe điện cơ công suất 2.2KW.

- Tài sản bà Ch được sở hữu, sử dụng là 01 xe kéo trị giá 300.000 đồng.

1.2. Các tài sản chung của bà và ông D, bà đề nghị Tòa án giải quyết phân chia, gồm:

- Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 21 diện tích 180,9m^2 địa chỉ tại thôn A, xã Q có giá trị 5.000.000đ/m^2 x 180,9m^2 = 904.500.000 đồng. Thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Ch trình bày vào khoảng năm 1990, bà và ông D có trả nợ thay cho mẹ đẻ ông D là cụ Nguyễn Thị Th (đã chết năm 2020) khoản tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cụ Th vay của hàng xóm là cụ Trịnh Văn G (đã chết). Vì vậy, cụ Th đã cho vợ chồng bà thửa đất này nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên bà không có văn bản, giấy tờ, tài liệu để chứng minh.

- Trên đất có:

Công trình xây dựng gồm: 01 ở nhà mái bằng một tầng xây năm 1991, đã sửa chữa năm 2019 có diện tích 45,9m^2, giá trị còn lại là 34.000.000 đồng; mái chống nóng lợp tôn có diện tích 34,7m^2 (trong đó có 3,5m^2 đua ra đường) giá trị còn lại là 2.600.000 đồng; Nhà bếp + công trình phụ mái bằng có diện tích 16,6m^2 giá trị còn lại là 10.000.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có diện tích 8,3m^2 giá trị còn lại là 500.000 đồng; Sân bê tông có diện tích 44,7m^2 giá trị còn lại là 800.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có diện tích 21.0m^2 giá trị còn lại là 0 đồng; 01 bình nóng lạnh Ariston giá trị còn lại là 700.000 đồng (lắp tại công trình phụ). Tổng giá trị là 48.600.000 đồng (Bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Các cây cối hoa màu trên đất gồm: 01 cây quất trị giá 280.000 đồng; 01 khóm hoa giấy trị giá 174.000 đồng; 01 cây đinh lăng trị giá 20.000 đồng; 01 giàn nho trị giá 1.340.000 đồng; 01 khóm nhỏ lưỡi hổ trị giá 5.000 đồng; 01 cây dành dành trị giá 15.000 đồng; 01 khóm ớt 5.000 đồng; 01 cây xanh cao trị giá 70.000 đồng. Tổng giá trị là 1.909.000 đồng.

Tổng cộng giá trị công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất 50.509.000 đồng.

- Ngoài ra, ông bà còn có tài sản chung là 01 chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít trị giá 2.300.000 đồng. Tiền mua là do bà và ông D bán 02 tủ lạnh cũ đi để mua tủ mới phục vụ sinh hoạt.

1.3. Về các tài sản riêng:

1.3.1 Tài sản riêng của bà gồm:

- 01 máy điều hòa hiệu Đaikin 1 chiều 12000 BTU trị giá 7.250.000 đồng; 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng. Tổng 9.350.000 đồng (ông D là người quản lý). Lý do là tài sản riêng của bà vì điều hoà bà mượn tiền của anh Nguyễn Văn L năm 2019 ở cùng thôn để mua về phục vụ cho 03 cháu nhỏ con của anh Ch1 (bà không yêu cầu giải quyết khoản nợ với anh L vì là nợ riêng

bà tự trả). Còn máy giặt bà mua chịu của anh Đ ở Đ, Q đến nay vẫn nợ (bà không yêu cầu giải quyết khoản nợ này). Bà xác định điều hoà, máy giặt này bà đi vay tiền hoặc mua chịu, bà phải có trách nhiệm tự trả nên là tài sản riêng của bà. Nay anh Ch1 khai đã vứt đi trong thời gian ông D quản lý các tài sản này thì bà yêu cầu ông D phải trả lại bà bằng hiện vật, bà không đồng ý trả bằng tiền mặt.

- Số tiền 11.566.000 đồng tiền chi phí lo việc đám ma và cúng lễ cho cụ Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ ông D) mà ông D bảo bà bỏ tiền riêng của bà ra để thanh toán rồi ông D trả bà sau nhưng ông D không trả bà. Nay bà yêu cầu ông D phải trả cho bà gồm:

+ Tiền làm lễ đưa vong cụ Th lên chùa Hàm Long, Bắc Ninh thờ cúng lần 1: 2.650.000 đồng; lần 2 là 750.000 đồng, tổng là 3.400.000 đồng. Số tiền này bà là người đã trực tiếp trả cho bà Nguyễn Thị V ở cổng chùa Hàm Long, Bắc Ninh.

+ Tiền gạo đám ma bà mua của ông Nguyễn Vũ M ở thôn Đ, xã Q: 1.500.000 đồng

+ Tiền mua lễ đám ma, 49 ngày, tuần đầu của cụ Th, bà mua và trả cho chị Nghiêm Thị Ng ở thôn A, xã Q: 5.666.000 đồng.

+ Tiền giấy sớ, lên chùa 49 ngày cụ Th ở chùa An Lộng, bà trực tiếp trả cho bà Nguyễn Thị D ở A, xã Q: 1.000.000 đồng.

Số tiền 11.566.000 đồng này bà xác định ông D phải có trách nhiệm trả bà, bà không yêu cầu những người thừa kế khác của cụ Th phải trả vì khi cụ Th chết toàn bộ tiền cụ Th để lại và tiền phúng viếng, tất cả anh chị em ruột của ông D đều thống nhất giao cho ông D là người cầm, chịu trách nhiệm để làm đám ma và cúng lễ cho cụ nên những người này không còn liên quan đến khoản tiền 11.566.000 đồng mà bà đòi ông D.

- Đối với số tiền 1.800.000 đồng bà bỏ ra đóng học cho con anh Ch1, nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3.2 *Tài sản riêng của ông D gồm*:

Xe máy, tủ lạnh (không phải là tủ lạnh có tranh chấp với anh Ch1), tivi (ông D đang quản lý).

2. Về nợ

2.1 Nợ chung:

- Nợ ông Vũ Duy H số tiền 7.271.000 đồng (Trong đó tháng 11/2019 âm lịch nợ tiền làm mái tôn 1.271.000 đồng và vay lại của ông H 6.000.000 đồng). Sau khi làm mái tôn đã trả cho ông H 3.000.000 đồng, vài ngày tiếp theo đó trả 6.000.000 đồng, vài hôm sau lại mượn lại 6.000.000 đồng. Lý do mượn lại là để mua bàn thờ, số tiền mua bàn thờ thực tế hết 7.000.000 đồng trong đó bà có 1.000.000 đồng và mượn lại ông H 6.000.000 đồng (buổi sáng ông D và ông M đi mua, bà đưa cho ông D 2.000.000 đồng, sau đó chiều người bán chở bàn thờ đến bà đưa tiếp 5.000.000 đồng).

- Nợ ông Nguyễn Thanh Th tiền công làm mái tôn và sửa tủ 1.900.000 đồng. Bà và ông D đã thanh toán cho ông Th xong, ông Th không yêu giải quyết khoản nợ này nữa nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị H, bà Đào Thị D, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đối với xoong inox không có vung, trị giá theo định giá là 120.000 đồng, là mượn của bà Vũ Thị Ph nay bà Ph không yêu cầu trả xoong hay giá trị chiếc xoong đồng thời đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu nên bà nhất trí. Bà đề nghị để ông D sở hữu chiếc xoong không phải trả giá trị cho bà hay bà Ph.

2.2 Nợ riêng:

- Đối với khoản nợ anh Nguyễn Văn L tiền mua điều hòa, nợ của anh Trần Văn Đ tiền mua máy giặt chưa trả, bà Ch xác định là nợ riêng của bà nên bà có trách nhiệm trả nợ khoản nợ này, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay bà Ch đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản (bao gồm cả nợ) theo quy định của pháp luật được đối trừ đi số tiền ông D đã thanh toán cho bà là 24.000.000 đồng. Tài sản riêng của ai thì người đó được sở hữu, sử dụng.

Bà Ch khẳng định không lấy khoản tiền nào, không giữ khoản tiền nào hay sổ ghi chép nào của ông D. Hôm bà về nhà kiểm tra đồ đạc, tài sản do ông D khoá không cho bà vào nên bà có phá khoá cổng, phá khoá bếp chứ bà không phá khoá nhà, không biết hòm cũng như sổ sách và tiền của ông D để đâu.

Bà không yêu cầu Toà án định giá lại giá trị các tài sản do bà thống nhất với giá trị các tài sản đã được định giá trong giai đoạn tố tụng trước (gồm lần 1 định giá vào ngày 09/8/2021 và lần 02 định giá vào ngày 21/10/2021). Bà cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc lại thửa đất có tranh chấp vì vị trí và hình thể, mốc giới thửa đất vẫn không có gì thay đổi so với kết quả đo đạc ngày 09/8/2021của Tòa án.

Đối với phần tài sản ông D khai sau ngày thẩm định 21/10/2021 và trước khi xem xét, thẩm định bổ sung ngày 05/01/2023, ông D có sửa sang lại một phần nhỏ (cụ thể là dựng chuồng gà), bà không liên quan vì bà không có đóng góp gì vào việc sửa sang này nên bà không yêu cầu định giá và không yêu cầu giải quyết, bà xác định phần này là tài sản riêng của ông D, không phải là tài sản chung của bà với ông D.

Hiện nay bà chủ yếu làm ở Quảng Ninh. Khi về quê bà sinh sống tại nhà đất của bố mẹ đẻ bà là cụ Vũ Duy Nh và cụ Tiêu Thị Gi (đều đã chết) tại thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Từ khi ly thân với ông D đến nay, bà ở đó còn các anh chị em của bà đều đã có nhà ở riêng.

**** Tại bản tự khai ngày 23/7/2021, biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2021, biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022 và ngày 05/01/2023, các tài liệu chứng cứ khác đã xuất trình, bị đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân, con chung như bà Ch trình bày là đúng và đã được Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22/12/2021, ông không có ý kiến gì. Nay Tòa án giải quyết sơ thẩm lại về quan hệ tài sản, ông D có quan điểm:

1. Về tài sản chung, riêng:

- Ông D xác nhận các tài sản ông và bà Ch đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết như bà Ch đã trình bày là đúng.

- Ông D xác định thửa đất số 6 tờ bản đồ số 21 có diện tích 180,9m^2 địa chỉ tại thôn A, xã Q và giá đất đã được Hội đồng định giá kết luận trong giai đoạn sơ thẩm lần 01 là đúng. Tuy nhiên, việc bà Ch cho rằng thửa đất là tài sản chung của ông và bà Ch và yêu cầu chia là không đúng, ông không chấp nhận. Bởi lẽ, thửa đất là di sản chung của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn V (sinh năm 1930, chết năm 1974) và cụ Nguyễn Thị Th (sinh năm 1930, chết ngày 10/3/2020) để lại. Bố mẹ ông sinh được hai anh em là ông Nguyễn Văn D1 và ông. Ngoài ra, trước đó cụ Nguyễn Văn V kết hôn với cụ Trịnh Thị K sinh được bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị L. Bố mẹ ông chết không để lại di chúc và chưa chia tài sản là thửa đất nêu trên cho ai.

- Ông cho rằng cụ Nguyễn Thị Th không nợ cụ Trịnh Văn G khoản tiền nào. Ông và bà Ch cũng không thanh toán cho cụ Trịnh Văn G khoản tiền nào.

- Ông công nhận ông và bà Ch có tài sản chung là công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất có tổng giá trị 50.909.000 đồng như bà Ch đã trình bày là đúng. Ông đã thanh toán cho bà Ch số tiền là 24.000.000 đồng.

- Ông xác nhận tài sản riêng của ông gồm xe máy, tủ lạnh (không phải là tủ lạnh đang có tranh chấp với anh Ch1), tivi (ông đang quản lý) như bà Ch đã trình bày là đúng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau lần Toà án tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2021, ông có sửa sang lại 01 phần nhỏ công trình trên đất để phục vụ chăn nuôi cụ thể là dựng 01 chuồng gà gồm 08 tấm lưới kẽm 0.5 x 1.2m; 01 tấm nhựa lót sàn gà 1.2 x 2m (lưới nhựa) có thể di dời. Đây là tài sản riêng của ông, ông không yêu cầu định giá bổ sung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra ông còn có tài sản riêng gồm: 12.000.000 đồng tiền phúng viếng đám ma cụ Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ ông) mà ông có ghi trong sổ ghi chép bà Ch lấy đi; 4.800.000 đồng kẹp cùng trong quyển sổ ghi chép bà Ch cũng lấy đi và 12.000.000 đồng tiền viếng đám ma ông Vũ Duy Nh (Bố đẻ bà Ch) bà Ch quản lý. Tổng cộng là 28.800.000 đồng. Ông yêu cầu bà Vũ Thị Ch phải trả lại số tiền trên cho ông nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ nộp cho Tòa án và không nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này theo thông báo của Tòa án.

- Đối với các tài sản mà bà Ch cho rằng là tài sản riêng của bà Ch gồm: 01 máy điều hòa nhãn hiệu Daikin 1 chiều trị giá 7.250.000 đồng; 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng. Ông có quan điểm đây là tài sản chung của ông và bà Ch vì thời gian bà Ch mua tài sản trên ông và bà Ch vẫn chung sống với nhau, hàng tháng ông vẫn đưa tiền cho bà Ch để chi tiêu sinh hoạt gia

đình. Các tài sản này hiện không còn do anh Nguyễn Văn Ch1 (là con trai của ông bà) đã vứt đi.

- Đối với 01 chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít trị giá 2.300.000 đồng mà bà Ch cho rằng là tài sản chung của ông và bà Ch, ông không nhất trí. Đây là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn Ch1, do anh Ch1 tự bỏ tiền ra mua, ông bà không đóng góp gì.

2. Về nợ:

- Ông xác nhận có làm mái tôn và mua nguyên vật liệu của ông Vũ Duy H nhưng không còn nợ số tiền này. Tiền để sửa nhà và làm mái tôn hết tổng số tiền là 38.000.000 đồng nhưng không có tài liệu nào chứng minh. Ông đã đưa cho bà Ch thanh toán xong cho ông H, ông không biết khoản nợ này của bà Ch. Do đó, đây là nợ riêng của bà Ch nên bà Ch phải tự trả khoản nợ này cho ông H, không liên quan đến ông. Số tiền 6.000.000 đồng bà Ch khai vay của ông H là nợ riêng của bà Ch, ông không biết bà Ch vay làm gì. Ông phản đối việc bà Ch khai đây là khoản nợ chung của vợ chồng và khai dùng tiền vay của ông H vào việc mua bàn thờ. Vì tiền mua bàn thờ là tiền của ông, do ông trực tiếp đi mua, trực tiếp trả tiền, có ông M chứng kiến.

- Ông nhất trí với ý kiến của bà Ch về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ của bà Nguyễn Thị H, bà Đào Thị D, anh Nguyễn Văn L, anh Trần Văn Đ. Nhất trí với việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Th số tiền 1.900.000 đồng và đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Vũ Thị Ph về 01 xoong inox không có vung khoảng 40 lít giá trị còn lại 120.000 đồng mà ông và bà Ch mượn của bà Ph. Ông xin được sở hữu chiếc xoong này và không phải thanh toán giá trị cho bà Ph, bà Ch vì bà Ph không yêu cầu và bà Ch cũng nhất trí.

- Đối với yêu cầu của bà Ch yêu cầu ông thanh toán trả lại bà Ch số tiền là tài sản riêng của bà Ch bỏ ra để lo ma chay, lên chùa cho cụ Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ ông) như bày Chinh trình bày, ông không nhất trí vì: Tiền lo may chay, lên chùa cho cụ Th được lấy từ số tiền 90.000.000 đồng cụ Th để lại (bao gồm: 60.000.000 đồng tiền mặt và 30.000.000 đồng tiền phúng viếng của cụ). Số tiền này ông đã đưa cho bà Ch để đi thanh toán các khoản trên. Số tiền 60.000.000 đồng cụ Th để lại, gia đình ai cũng biết, còn số tiền phúng viếng 30.000.000 đồng được ghi trong sổ ghi chép của gia đình, quyển sổ này ông cất trong hòm để trong nhà sau đó khóa cửa, cổng nhưng bà Ch đã phá khóa để vào nhà lấy quyển sổ này đi.

Về kết quả đo đạc, định giá đã tiến hành vào ngày 09/8/2021 và ngày 21/10/2021, ông D vẫn thống nhất, không có ý kiến gì. Ông không yêu cầu đo đạc lại thửa đất.

**** Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn D1 trình bày*:**

Ông, bà xác nhận quan hệ huyết thống của ông, bà với ông Nguyễn Văn D

như ông D đã trình bày là đúng. Cụ Nguyễn Văn V, cụ Nguyễn Thị Th và cụ Trịnh Thị K là bố mẹ ông bà đều đã chết không để lại di chúc.

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ch về việc xác định thửa đất số 06 tờ bản đồ số 21 có diện tích 180,9m^2 tại địa chỉ thôn A, xã Q là tài sản chung của ông D, bà Ch. Đây là tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn V và cụ Nguyễn Thị Th nhưng chưa chia. Còn các tài sản trên đất là tài sản chung của ông D và bà Ch. Bà N, bà L, ông D1 xác định cụ Nguyễn Thị Th không vay của cụ Trịnh Văn G khoản tiền nào. Ông D, bà Ch không phải trả cho cụ Th khoản nợ nào.

Đối với số tiền lo ma chay, cúng giỗ cho cụ Th mà bà Ch yêu cầu ông D trả vì là tiền riêng bà Ch bỏ ra, các ông bà có ý kiến: Khi cụ Th chết ông D là người được anh chị em giao cho cầm toàn bộ số tiền cụ Th để lại (tổng khoảng 93.000.000 đồng gồm tiền mặt và tiền phúng viếng) để lo tổ chức tang lễ, thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho việc ma chay, cúng lễ. Tiền cụ Th để lại đủ để lo tất cả các khoản chi tiêu đám lễ, lên chùa. Các con cháu không phải bỏ ra khoản tiền riêng nào. Vong của cụ Th có được thờ cúng ở chùa Hàm Long, thành phố Bắc Ninh nhưng là do bà Ch tự ý đưa lên, không bàn bạc với anh chị em trong nhà. Các ông bà xác định từ khi giao cho ông D cầm tiền lo liệu thì mọi trách nhiệm là của ông D, các ông bà không dính dáng gì đến khoản tiền này nữa. Còn việc ông D có nhờ bà Ch mua bán, thanh toán giúp khoản nào không thì ông, bà không biết và khẳng định đây là việc riêng giữa ông D và bà Ch, không liên quan đến các ông, bà nên các ông, bà không có nghĩa vụ hay trách nhiệm gì đối với yêu cầu này của bà Ch.

Các ông bà không yêu cầu Tòa án đo đạc, định giá lại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 21, đề nghị giữ nguyên kết quả định giá, đo đạc ngày 09/8/2021 và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

**** Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Văn Ch1 trình bày:***

Tháng 02/2018 anh và ông D có đi mua 01 chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít tại cửa hàng điện tử Tiến Th, địa chỉ tại khu 1x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình với giá 4.950.000 đồng, nguồn tiền dùng để mua tủ lạnh là tiền của anh. Anh xác định chiếc tủ lạnh có giá trị còn lại 2.300.000 đồng. Việc bà Ch xác định chiếc tủ lạnh này là tài sản chung của ông D và bà Ch thì anh không nhất trí. Anh đề nghị Tòa án xác định đây là tài sản riêng của anh đồng thời yêu cầu ông D, bà Ch phải trả lại chiếc tủ lạnh nêu trên cho anh.

Anh xác nhận đã tháo và vứt xuống sông (anh không nhớ vị trí cụ thể chỉ nhớ ở khu vực giữa Cầu Hiệp) 01 chiếc máy giặt và 01 chiếc điều hòa của ông D, bà Ch có đặc điểm như bà Ch đã khai.

Các tài sản mà ông D và bà Ch đã tự thỏa thuận phân chia anh không có ý kiến gì.

Tại các biên bản lấy lời khai, đơn xin rút yêu cầu ngày 02/11/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Vũ Thị Ph trình bày: Ông D, bà Ch có mượn của bà 01 chiếc xoong inox, không có vung, dung tích 40 lít để làm bún, trị giá theo định giá là 120.000 đồng nhưng chưa trả. Nay bà không yêu cầu ông D, bà Ch trả lại chiếc xoong trên và giá trị chiếc xoong trên cho bà. Bà đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu này của bà và xin vắng mặt.

**** Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc ngày 14/12/2022 (thông qua con gái ông Th là chị Nguyễn Thị Thu Ph), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Thanh Th trình bày:*** Ông D, bà Ch có nợ số tiền 1.900.000 đồng tiền công làm mái tôn và sửa tủ. Ngày 19/11/2021, ông D và bà Ch đã trả đủ số tiền trên cho ông nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu này của ông và ông xin vắng mặt.

****Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Vũ Duy H có quan điểm:***

Tháng 11/2019 ông có làm mái tôn cho ông D, bà Ch với tổng số tiền 10.271.000 đồng. Ngay sau khi làm mái tôn xong, bà Ch đã trả được 3.000.000 đồng, sau đó lại trả tiếp được 6.000.000 đồng nên số tiền nợ làm mái tôn chỉ còn lại 1.271.000 đồng. Nhưng sau đó vài hôm bà Ch lại ra mượn lại số tiền 6.000.000 đồng để nộp học cho cháu và lấy tiền đi Quảng Ninh. Nếu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ch và ông D, ông đề nghị buộc bà Ch, ông D trả khoản nợ trên cho ông, ông không yêu cầu phải trả tiền lãi suất. Trường hợp Tòa án giao cho bà Ch có trách nhiệm trả nợ cho ông như bản án sơ thẩm số 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã giải quyết, ông cũng nhất trí.

**** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 217, Điều 157, Điều 165 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 205, 206, 207, 208, 209, 219, 463, 466, 494 và 496 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xem xét quyết định. Đề nghị:

- Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch về việc xác định thửa đất số 6 tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại thôn A, xã Q là tài sản chung của bà Ch, ông D; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch, xác nhận tài sản chung

của ông D bà Ch gồm công trình xây dựng trên đất và cây cối hoa màu trên đất nên ông D, bà Ch mỗi người được chia ½ giá trị tài sản nêu trên, giao cho ông D được sử dụng tài sản chung nhưng ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Ch ½ giá trị tài sản; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch xác định 01 điều hòa và 01 máy giặt là tài sản riêng của bà Ch. Do tài sản không còn nên ông D phải thanh toán cho bà Ch giá trị của 02 tài sản trên là 9.350.000 đồng; Chấp nhận yêu cầu của bà Ch buộc ông D trả cho bà Ch số tiền 11.566.000 đồng tiền chi phí lo việc ma chay, cúng lễ cho cụ Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ ông D);

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ch1 xác định 01 tủ lạnh SamSung giá trị 2.300.000 đồng là tài sản riêng của anh Ch1. Do ông D đang quản lý nên ông D có trách nhiệm trả lại cho anh Ch1;

- Về nợ: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, xác định ông D bà Ch nợ ông H số tiền 1.271.000 đồng là nợ chung của bà Ch, ông D, còn 6.000.000 đồng là nợ riêng của bà Ch, giao cho bà Ch trả toàn bộ số nợ của ông H nhưng được thanh toán từ ông D ½ số nợ chung tương ứng với số tiền 635.500 đồng;

Không xem xét giải quyết yêu cầu của ông D về việc buộc bà Ch trả ông D số tiền riêng là 28.800.000 đồng do ông D không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ph về việc buộc ông D, bà Ch trả lại 01 chiếc xoong inox không vung trị giá 120.000 đồng. Giao ông D sở hữu chiếc xoong không phải thanh toán giá trị cho bà Ph, bà Ch.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Th về việc buộc ông D, bà Ch trả số tiền 1.900.000 đồng;

Về chi phí thẩm định, định giá, bà Ch ông D phải chịu theo quy định của pháp luật; riêng đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2023 bà Ch tự nguyện chịu toàn bộ nên không đặt trách nhiệm chịu chi phí đối với ông D.

Về án phí: Ông D, bà Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; trả lại ông H, ông Th, anh Ch1 và bà Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bản án sơ thẩm số 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết tranh chấp "yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" giữa bà Vũ Thị Ch và ông Nguyễn Văn D bị Bản án phúc thẩm số 11/2022/HNGĐ-PT ngày 08/6/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình huỷ phần quan hệ tài sản, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ xét xử sơ thẩm lại. Sau khi thụ lý lại phần quan hệ tài sản,

nguyên đơn là bà Ch vẫn giữ yêu cầu cầu khởi kiện về việc chia tài sản và nợ với ông D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với ông D, bà Ch (trừ bà Vũ Thị Ph, ông Nguyễn Thanh Th rút yêu cầu). Ông D có địa chỉ cư trú tại Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có hoặc không có yêu cầu độc lập) gồm: Ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, bà Vũ Thị Ph, ông Vũ Duy H, ông Nguyễn Thanh Th và anh Nguyễn Văn Ch1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tài sản:

[2.1] Các tài sản mà bà Ch, ông D đã thống nhất tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.2.] Về tài sản đã thống nhất nhưng chưa phân chia được: Bà Ch, ông D có tài sản chung là công trình xây dựng trên đất và cây cối hoa màu có tổng giá trị 50.509.000 đồng.

[2.3.] Tài sản chưa thống nhất:

Bà Ch cho rằng thửa đất số 6 tờ bản đồ số 21 có diện tích 180,9m^2, địa chỉ tại thôn A, xã Q (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có giá trị 5.000.000đ/m^2 x 180,9m^2 = 904.500.000 đồng, là tài sản chung của bà và ông D. Lý do là vào khoảng năm 1990 bà có trả nợ thay cho cụ Nguyễn Thị Th số tiền 5.000.000 đồng vay của cụ Trịnh Văn G nên cụ Th đã cho bà và ông D diện tích đất nêu trên nhưng bà không có giấy tờ, tài liệu nào chứng minh. Hơn nữa, tại biên bản xác định hiện trạng sử dụng đất năm 1999 mang tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn D và Vũ Thị Ch, đã nhiều năm nay bà và ông D nộp thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Còn ông D, ông D1, bà L và bà N cho rằng đây không phải là tài sản chung của ông D và bà Ch mà là tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn V và cụ Nguyễn Thị Th là bố đẻ của các ông bà và mẹ đẻ của ông D1, ông D để lại nhưng chưa chia.

Xét về nguồn gốc của thửa đất: Năm 1985 thửa đất có diện tích 420m^2, tại thửa số 24, tờ bản đồ số 3, mang tên cụ Nguyễn Văn V, cụ Nguyễn Thị Th. Đến năm 1999, tách thành 02 thửa trong đó 01 thửa mang tên ông D, bà Ch là thửa số 16 có diện tích 178,1m^2, còn 01 thửa mang tên ông D1, bà Quỳ là thửa số 17 diện tích 210,4m^2. Đến năm 2012 thực hiện đo Vlap thửa đất mang tên ông D bà Ch có số thửa 6, tờ bản đồ số 21 có diện tích 181,8m^2 có tranh chấp với thửa đất của ông Trịnh Văn Đính, là người có thửa đất liền kề. Đến ngày 09/8/2021 khi Tòa án thẩm định thì ông Đính đã thống nhất mốc giới như sơ đồ hiện trạng sử dụng đất (thực hiện cùng với thẩm định). Sở dĩ biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất mang tên ông D, bà Ch là vì ở thời điểm đó ai đang thực tế sử dụng đất

thì biên bản sẽ mang tên người đó, ai đang sử dụng đất thì nộp thuế, không có tài liệu nào chứng minh cụ Th đã cho đất ông D bà Ch. Các con của cụ Th đều xác định cụ Th không vay của cụ Gậc khoản tiền nào, ông D và bà Ch không phải trả cho cụ Gậc khoản tiền nào. Các con của cụ Gậc cũng xác định cụ Gậc không cho cụ Th vay khoản tiền nào, không biết việc vay mượn tiền giữa hai cụ. Bà Ch không có tài liệu nào chứng minh cụ Th đã cho đất bà và ông D, cũng không có tài liệu nào chứng minh đã trả tiền cho cụ Gậc. Do đó, không có căn cứ xác định thửa đất số 06, tờ bản đồ số 21, diện tích 180,9m2 tại thôn A, xã Q là tài sản chung của bà Ch, ông D nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ch là phù hợp với Điều 207 Bộ luật Dân sự.

- Đối với 01 tủ lạnh Samsung 208 lít, trị giá 2.300.000 đồng bà Ch cho rằng là tài sản chung của bà và ông D, vì thời điểm đó vợ chồng anh Ch1 có ăn chung với bà. Ông D và anh Ch1 lại cho rằng là tài sản riêng của anh Ch1. Vào tháng 02/2018, anh Ch1 cùng ông D đi mua 01 tủ lạnh Samsung 208 lít tại cửa hàng điện tử Tiến Th, ở khu 1x, thị trấn Q, huyện Q, nguồn tiền là tiền riêng của anh nên đây được xác định là tài sản riêng của anh Ch1. Bà Ch, ông D và anh Ch1 đều xác định từ khi anh Ch1 kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc Bích (năm 2014) thì vợ chồng anh Ch1 có ăn chung với bà Ch. Bà Ch, anh Ch1 xác nhận hàng tháng, anh Ch1 có nộp tiền ăn cho bà Ch. Bà Ch xác nhận thời điểm mua tủ lạnh bà Ch không có mặt ở nhà, không đưa ra được chứng cứ chứng minh đây là tài sản chung của bà và ông D. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ch về việc chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít, trị giá 2.300.000 đồng là tài sản chung của bà và ông D nên buộc ông D, bà Ch phải trả tủ lạnh cho anh Ch1 là phù hợp với quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật Dân sự.

[3.] Về tài sản khác:

[3.1] Đối với yêu cầu của bà Ch về việc yêu cầu ông D hoặc anh Ch1 phải trả lại cho bà bằng hiện vật (không đồng ý trả bằng tiền) là 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng và 01 điều hòa Daikin 1 chiều 12000 BTU trị giá 7.250.000 đồng là tài sản riêng của bà, các tài sản này ông D đang quản lý. Bà Ch cho rằng năm 2017 bà có mua của anh Trần Văn Đ, sinh năm 1987, ở thôn Đ xã Q 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 6.500.000 đồng, đã trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 4.500.000 đồng. Tháng 5/2019, bà mua của anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1989 ở thôn A, xã Q 01 điều hòa Daikin 1 chiều số tiền 11.800.000 đồng, nguồn tiền dùng để mua điều hòa do bà mượn của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 ở thôn A, xã Q số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà không yêu cầu ông D phải trả các khoản nợ này.

Ông D cho rằng đây là tài sản chung của ông và bà Ch, nguồn tiền là từ tài sản chung của vợ chồng vì hàng tháng đi làm ông vẫn gửi tiền cho bà Ch để chi tiêu, sinh hoạt gia đình. Ông không biết khoản nợ của anh Đàn, anh L như bà Ch khai. Anh Đ xác nhận anh có bán cho bà Ch 01 máy giặt như bà Ch đã trình bày, bà Ch vẫn còn nợ lại anh số tiền 4.500.000 đồng chưa trả, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này, anh và bà Ch tự giải quyết với nhau. Anh Nguyễn Văn L cũng xác nhận có cho bà Ch vay số tiền 20.000.000 đồng để bà

Ch trả tiền mua điều hòa, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ này, anh và bà Ch tự giải quyết với nhau. Anh Nguyễn Văn Chung xác nhận, bà Ch có nhờ anh mua và lắp hộ điều hòa giá 11.800.000 đồng nhưng anh không nhớ mua của ai, anh cũng không biết nguồn tiền để mua.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận tài sản 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Daikin 1 chiều 12000 BTU trị giá 7.250.000 đồng là tài sản riêng của bà Ch. Các tài sản này ông D, anh Ch1 xác nhận không còn do anh Ch1 đã tháo dỡ vứt xuống sông cầu Hiệp (vị trí cụ thể anh không nhớ), do trong thời gian ông D quản lý tài sản trên nên ông D phải chịu trách nhiệm đối với các tài sản này. Xét thấy các tài sản này đều không còn, nên cần buộc ông D phải thanh toán bằng giá trị tài sản cho bà Ch là phù hợp với Điều 166, Điều 205 và Điều 206 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Đối với yêu cầu của bà Ch về việc yêu cầu ông D phải trả lại cho bà số tiền 11.566.000 đồng là tiền riêng của bà đã bỏ ra để lo việc ma chay, cúng lễ cho cụ Nguyễn Thị Th (mẹ đẻ ông D) mà chính ông D nói bà thanh toán trước rồi ông D trả bà sau nhưng ông D không trả. Khoản tiền này bao gồm: Tiền làm lễ đưa vong cụ Th lên chùa Hàm Long, Bắc Ninh 02 lần tổng là 3.400.000 đồng. Số tiền này bà là người đã trực tiếp trả cho bà Nguyễn Thị V ở Khu Thái Bảo, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (cổng chùa Hàm Long); tiền gạo đám ma bà mua của ông Nguyễn Vũ M ở thôn Đ, xã Q: 1.500.000 đồng; tiền mua lễ đám ma, 49, tuần đầu của cụ Th, bà mua và trả cho chị Nghiêm Thị Ng ở thôn A, xã Q: 5.666.000 đồng; tiền giấy sớ, lên chùa 49 ngày cụ Th ở chùa An Lộng, bà trực tiếp trả cho bà Nguyễn Thị D ở A, xã Q: 1.000.000 đồng. Bà không cầm số tiền nào và không lấy quyển sổ nào của ông D. Bản phô tô quyển sổ ghi chép bà nộp cho Tòa án là bà phô tô từ trước khi bà và ông D ly thân, bà không cầm sổ gốc.

Ông D không nhất trí với yêu cầu này của bà Ch vì cho rằng toàn bộ tiền lo ma chay, lên chùa cho cụ Th được lấy từ số tiền 90.000.000 đồng cụ Th để lại (bao gồm: 60.000.000 đồng tiền mặt và 30.000.000 đồng tiền phúng viếng của cụ). Số tiền này ông đã đưa cho bà Ch để đi thanh toán các khoản trên và được ghi trong sổ ghi chép của gia đình bà Ch đã phá khoá hòm, khoá nhà lấy quyển sổ đi.

Những người làm chứng là bà Vượng, bà Duân khai phù hợp với lời khai của bà Ch về số tiền bà Ch đã thanh toán. Ông Mẽ xác nhận có việc bà Ch liên hệ mua gạo, gia đình bà Ch đã thanh toán xong nhưng không nhớ số lượng gạo và số tiền là bao nhiêu, ai là người trực tiếp thanh toán. Bà Ngoã xác nhận bà Ch có mua hàng hoá ở cửa hàng của bà để phục vụ đám ma cụ Th nhưng không nhớ rõ số tiền, còn tuần đầu và 49 ngày của cụ Th thì bà Ngoã không nhớ bà Ch có mua ở cửa hàng của bà hay không.

Xét thấy các chi phí trên bà Ch bỏ ra lo ma chay, cúng giỗ cho cụ Th là thực tế, lời khai của bà Ch cơ bản phù hợp với lời khai của những người làm chứng và thông tin ghi chép trong bản phô tô quyển sổ bà Ch nộp. Bản thân ông D cũng thừa nhận bà Ch là người chi trả các khoản này nhưng cho rằng ông đã

đưa đủ tiền cho bà Ch đi thanh toán song ông không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Ông D và anh chị em ruột ông D đều khẳng định ông D là người quản lý tiền của cụ Th để lại, trực tiếp chịu trách nhiệm lo mọi việc hiếu lễ cho cụ Th nên cần buộc ông D phải có trách nhiệm trả lại cho bà Ch khoản tiền 11.566.000 đồng này là có cơ sở.

[3.3] Đối với yêu cầu của ông D về việc buộc bà Ch trả ông số tiền riêng là 28.800.000 đồng mà bà Ch quản lý và lấy đi, do ông D không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ và trách nhiệm trả nợ:

[4.1] Đối với yêu cầu về khoản nợ của ông H: Bà Ch cho rằng tháng 11/2019, bà và ông D có nợ của ông Vũ Duy H số tiền 10.271.000 đồng làm mái tôn. Sau khi làm xong đã trả được 3.000.000 đồng, vài ngày sau đó trả tiếp 6.000.000 đồng nên còn nợ lại 1.271.000 đồng. Sau đó mấy ngày bà lại mượn lại ông H số tiền 6.000.000 đồng để trả tiền mua bàn thờ và nộp học cho con anh Ch1 số tiền 1.800.000 đồng. Trong Đơn kháng cáo gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 05/01/2022, bà Ch lại trình bày: Cuối năm 2019, ông D nhờ ông M ra cửa hàng ông Nguyễn Ngọc Hải mua chiếc bàn thờ trị giá 7.000.000 đồng, khi ông Hải mang đến, bà đã trả 7.000.000 đồng cho ông Hải.

Ông D cho rằng tiền làm mái tôn ông đã đưa cho bà Ch thanh toán xong cho ông H nhưng ông không có tài liệu nào chứng minh, ông xác nhận cuối năm 2019 ông có nhờ ông Đào Thanh Mạo đi mua hộ bàn thờ, đã trả luôn số tiền 2.200.000 đồng tại cửa hàng còn khi họ chở bàn thờ đến nhà ông đưa đủ nốt số tiền 5.000.000 đồng. Nguồn tiền để mua là của ông và đã thanh toán tiền mặt cho người bán nên ông xác định không nợ của ông H khoản tiền nào.

Ông Đào Thanh M xác nhận cuối năm 2019 ông D có nhờ ông đi mua hộ bàn thờ, tại khu vực cầu Lợn, xã Quỳnh Giao (ông không nhớ rõ địa chỉ cụ thể, cũng như cửa hàng) có giá 5.000.000 đồng. Ai là người trả tiền mặt cho người bán và nguồn tiền mua từ đâu ông không nắm rõ vì ông chỉ đi cùng ông D sau đó về nhà (lời khai ngày 01/12/2021 ông M khai ông D là người trả tiền).

Thấy rằng, các lời khai của bà Ch về mục đích vay tiền 6.000.000 đồng, về việc mua bàn thờ; số tiền nộp học cho con anh Ch1…có sự không thống nhất với nhau và mâu thuẫn với lời khai của những người làm chứng nên không có căn cứ chấp nhận đây là khoản nợ chung của bà Ch và ông D, bởi vì: Ngoài lời khai trên, bà Ch còn có lời khai khác thể hiện bà Ch mượn tiền để mua bàn thờ 5.000.000 đồng, đóng học cho con anh Ch1 và lấy tiền đi Quảng Ninh; có lời khai bà Ch khai đóng học cho con anh Ch1 1.800.000 đồng, có lời khai đóng 2.000.000 đồng nhưng Trường Mầm non Q cung cấp tháng 11/2019 bà Ch có nộp học cho 02 con anh Ch1 hết số tiền 1.430.000 đồng. Ông H khai mục đích bà Ch mượn lại tiền ông là để nộp học cho cháu và lấy tiền đi Quảng Ninh.

Như vậy, có cơ sở xác định ông D, bà Ch nợ ông H số tiền 1.271.000 đồng tiền làm mái tôn là nợ chung, mỗi người chịu trách nhiệm trả một nửa. Cần

giao cho bà Ch trả ông H khoản nợ này, ông D phải thanh toán lại cho bà Ch số tiền 635.500 đồng để bà Ch trả nợ cho ông H. Đối với khoản nợ 6.000.000 đồng là nợ riêng của bà Ch với ông H, bà Ch phải có trách nhiệm thanh toán khoản này cho ông H là phù hợp với Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4.2] Về khoản nợ khác:

Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Thanh Th số tiền 1.900.000 đồng, ông D và bà Ch đã thanh toán cho ông Th xong. Ông Th, ông D và bà Ch đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này của ông Th là phù hợp với Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với khoản nợ 750.000 đồng của bà Nguyễn Thị H và khoản nợ 850.000 đồng của bà Đào Thị D. Do bà Hương, bà Dư và bà Ch, ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với khoản nợ của anh Nguyễn Văn L và anh Trần Văn Đ. Bà Ch, ông D, anh L và anh Đàn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng bà Ch khai đã nộp tiền học cho các con anh Ch1, bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Ch1 cũng nhất trí nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4.3] Đối với 01 chiếc xoong inox không có vung, trị giá theo định giá là 120.000 đồng, bà Ch và ông D mượn của bà Vũ Thị Ph nay bà Ph không yêu cầu trả lại chiếc xoong hay giá trị chiếc xoong nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Ph là phù hợp. Bà Ch, ông D nhất trí với quan điểm của bà Ph và thống nhất để ông D sở hữu chiếc xoong không phải trả giá trị cho bà Ch, bà Ph nên cần chấp nhận.

[5] Về phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ của ông D, bà Ch:

Các tài sản chung của ông D, bà Ch là các công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất có tổng giá trị là 50.509.000 đồng, mỗi người được ½ giá trị tài sản này. Do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ch về diện tích đất ở 180,9m^2 là tài sản chung của bà Ch, ông D nên chia cho ông D được sở hữu các tài sản là nhà ở, công trình xây dựng trên đất cùng các cây cối hoa màu trên đất có tổng giá trị tài sản là 50.509.000 đồng nhưng ông D phải thanh toán cho bà Ch số tiền là 50.509.000 đồng : 2 = 25.254.500 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của bà Ch về việc 01 chiếc máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng và 01 máy điều hòa hiệu Đaikin 1 chiều trị giá 7.250.000 đồng là tài sản riêng của bà Ch, do ông D quản lý nhưng không còn nên ông D có trách nhiệm phải thanh toán cho bà Ch số tiền là 9.350.000 đồng. Ngoài ra, ông D còn phải thanh toán cho bà Ch số tiền ½ khoản nợ chung của ông H tương ứng số tiền 635.500 đồng để bà Ch trả nợ cho ông H và số tiền 11.566.000 đồng tiền riêng của bà Ch bỏ ra lo việc ma chay, cúng lễ cho cụ Th. Như vậy, ông D phải thanh toán cho bà Ch số tiền là 25.254.500 đồng + 9.350.000 đồng + 635.500 đồng + 11.566.000 đồng = **46.806.000 đồng**. Do ông D đã thanh toán

cho bà Ch số tiền 24.000.000 đồng nên ông D còn phải thanh toán cho bà Ch số tiền 46.806.000 đồng – 24.000.000 đồng = 22.806.000 đồng.

Bà Ch được nhận thanh toán từ ông D số tiền còn lại (sau khi đã đối trừ với số tiền 24.000.000 đồng ông D đã thanh toán trước) là **22.806.000 đồng.** Bà Ch có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 7.271.000 đồng, trong đó 1.271.000 đồng là nợ chung của ông D bà Ch, 6.000.000 đồng là nợ riêng của bà Ch.

[6] Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ch1 xác định chiếc tủ lạnh Samsung trị giá 2.300.000 đồng là tài sản riêng của anh. Yêu cầu này là có căn cứ cần chấp nhận như đã phân tích tại mục [2.3], do ông D là người đang quản lý tài sản nên buộc ông D phải trả lại tủ lạnh này cho anh Ch1 là phù hợp với Điều 166 và Điều 205 của Bộ luật Dân sự.

[7] Các vấn đề khác: Mặc dù không có căn cứ xác định thửa đất số 06, tờ bản đồ số 21, diện tích 180,9m^2 tại thôn A, xã Q là tài sản chung của bà Ch, ông D. Tuy nhiên, thực tế bà Ch cũng có thời gian dài sinh sống trên thửa đất này. Do đó trường hợp bà Ch có yêu cầu về công sức đối với thửa đất thì có thể được xem xét giải quyết trong một vụ án dân sự khác có đối tượng tranh chấp là thửa đất nêu trên (khi một trong những người có quyền khởi kiện yêu cầu).

Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề lưu cư đối với bà Ch do bà Ch không có khó khăn về chỗ ở. Bà Ch không thường xuyên ở địa phương, mỗi khi về thì bà Ch đều có chỗ ở là tại nhà đất của bố mẹ bà ở thôn A, xã Q, huyện Q.

Đối với các tài sản khác là: 01 chuồng gà gồm 08 tấm lưới kẽm 0.5 x 1.2m; 01 tấm nhựa lót sàn gà 1.2 x 2m (có thể di dời) do ông D dựng tạm sau lần Tòa án tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2021; 01 xe máy, tủ lạnh (không phải là tủ lạnh tranh chấp với anh Ch1), 01 tivi. Các tài sản này ông D đang quản lý, bà Ch và ông D đều xác định đây là tài sản riêng của ông D, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý tiền tạm ứng án phí, án phí:

- Đối với tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (300.000 đồng) theo biên lai thu số 0001896 ngày 04/5/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (300.000 đồng) đã được giải quyết và phát sinh hiệu lực thi hành theo bản án số 97/2021/HNGĐ-ST ngày 22/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ.

- Đối với án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm và tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0004570 ngày 07/01/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ đã được giải quyết và phát sinh hiệu lực thi hành theo bản án phúc thẩm số 11/2022/HNGĐ-PT ngày 08/6/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Bà Vũ Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia, án phí trả nợ ông H (nợ riêng và ½ nợ chung); án phí không chấp nhận yêu cầu tài sản chung là quyền sử dụng đất; án phí không chấp nhận tài sản chung là tủ lạnh. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 5.000.000 đồng mà bà Ch đã nộp.

- Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với số tài sản được chia, án phí đối với ½ khoản nợ chung của ông H, án phí phần chấp nhận yêu cầu của bà Ch về xác định tài sản riêng.

Trả lại ông Vũ Duy H, ông Nguyễn Thanh Th và bà Vũ Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về chi phí tố tụng khác: Toàn bộ số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản ngày 09/8/2021 là 3.800.000 đồng, bà Ch đã nộp tạm ứng đủ. Bà Ch, ông D đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, một phần yêu cầu thẩm định, định giá tài sản của bà Ch được chấp nhận nên bà Ch, ông D mỗi người phải chịu một phần tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là phù hợp với Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2023 là 600.000 đồng, bà Vũ Thị Ch tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu ông D phải thanh toán đồng thời bà Ch đã nộp xong nên không đặt ra giải quyết.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 217, Điều 157, Điều 165 và Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 205, 206, 207, 208, 209, 219, 463, 466, 494 và 496 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ tài sản:

1. Các tài sản bà Ch, ông D đã tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Tài sản ông D được sở hữu gồm: 01 máy bơm nước Z100 công suất 0,75KW trị giá 500.000 đồng; 01 đôi loa UBL; 01 ti vi Imusic; 01 đôi loa Sato; 01 âm ly paramax SA - 999XP; 01 cục phát wifi; 03 quạt điện cơ Hoa Phượng; 01 quạt trần; 02 chiếc giường gỗ; 02 đệm; 01 đồng hồ treo tường; 01 tủ quần áo nhựa; hệ thống điện; 01 kệ gỗ ép 1.8m x0.5mx 0.8m; 01 ghế gỗ salon; 01 bàn nhựa; 01 cái võng; 01 bàn thờ; 02 ghế gỗ; 01 bàn gỗ 1m; 01 tủ gỗ ocan 1.8mx2m; 01 bộ loa vi tính; 01 máy hàn điện FUKA; 03 quạt điện cơ; 01 bàn gội đầu; 01 ghế gội đầu; 01 bàn nhựa 70cm; 01 tủ nhôm kính 2m x 1m; 01 tủ nhôm kính loại nhỏ 1m x 0.5m; 01 tủ gỗ ocan 2m x1.2m; 01 giường gỗ; 1 máy rửa xe điện cơ công suất 2.2KW.

- Tài sản bà Ch được sở hữu: 01 xe kéo trị giá 300.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ch về việc xác định 180,9m^2 đất ở tại thửa số 6, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình là tài sản chung của bà Ch và ông D.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch, xác định tài sản chung của bà Ch và ông D gồm:

- Công trình xây dựng: 01 ở nhà mái bằng một tầng xây năm 1991, đã sửa chữa năm 2019 có diện tích 45,9m^2, giá trị còn lại là 34.000.000 đồng; mái chống nóng lợp tôn có diện tích 34,7m^2 (trong đó có 3,5m^2 đua ra đường) giá trị còn lại là 2.600.000 đồng; Nhà bếp + công trình phụ mái bằng có diện tích 16,6m^2 giá trị còn lại là 10.000.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có diện tích 8,3m^2 giá trị còn lại là 500.000 đồng; Sân bê tông có diện tích 44,7m^2 giá trị còn lại là 800.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có diện tích 21,0m^2 giá trị còn lại là 0 đồng; 01 bình nóng lạnh Ariston giá trị còn lại là 700.000 đồng (lắp tại công trình phụ).

- Các cây cối hoa màu trên đất: 01 cây quất trị giá 280.000 đồng; 01 khóm hoa giấy trị giá 174.000 đồng; 01 cây đinh lăng trị giá 20.000 đồng; 01 giàn nho trị giá 1.340.000 đồng; 01 khóm nhỏ lưỡi hổ trị giá 5.000 đồng; 01 cây dành dành trị giá 15.000 đồng; 01 khóm ớt 5.000 đồng; 01 cây xanh trị giá 70.000 đồng.

Tổng giá trị 50.509.000 đồng *(Năm mươi triệu năm trăm linh chín nghìn đồng)*.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch xác định tài sản riêng của bà Ch gồm: 01 máy giặt Samsung 7,8kg trị giá 2.100.000 đồng; 01 máy điều hòa nhãn hiệu Đaikin 1 chiều 12000 BTU trị giá 7.250.000 đồng, do ông D quản lý, hiện không còn do anh Ch1 đã vứt đi.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch về việc yêu cầu ông D thanh toán số tiền riêng 11.566.000 đồng mà bà Ch bỏ ra để trả tiền ma chay và cúng lễ cho cụ Nguyễn Thị Th gồm: tiền mua gạo đám ma 1.500.000 đồng; tiền mua lễ đám ma, 49, tuần đầu của cụ Th: 5.666.000 đồng; tiền giấy sớ, lên chùa 49 ngày cụ Th ở chùa An Lộng, xã Quỳnh Hoàng: 1.000.000 đồng và tiền lễ ở chùa Hàm Long, Bắc Ninh 02 lần 3.400.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ch, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Ch1: Xác định 01 tủ lạnh Samsung 208 lít, giá trị còn lại là 2.300.000 đồng là tài sản riêng của anh Ch1.

7. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Duy H, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch: Xác định bà Ch, ông D có nợ ông H số tiền làm mái tôn còn lại chưa trả là 1.271.000 đồng; Xác định số tiền 6.000.000 đồng là nợ riêng của bà Ch.

8. Về chia tài sản, nợ của ông D, bà Ch:

Chia cho bà Ch và ông D mỗi người được hưởng ½ tổng giá trị tài sản chung gồm công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất, tương ứng với số tiền là 50.509.000 đồng : 2 = 25.254.500 đồng *(hai mươi lăm triệu hai trăm năm tư nghìn năm trăm đồng)*.

8.1. Chia và giao cho ông D sở hữu tài sản chung của bà Ch, ông D gồm:

- Công trình xây dựng: 01 ở nhà mái bằng một tầng xây năm 1991, đã sửa chữa năm 2019 có diện tích 45,9m^2, giá trị còn lại là 34.000.000 đồng; mái chống nóng lợp tôn có diện tích 34,7m^2 (trong đó có 3,5m^2 đua ra đường) giá trị còn lại là 2.600.000 đồng; Nhà bếp + công trình phụ mái bằng có diện tích 16,6m^2 giá trị còn lại là 10.000.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có diện tích 8,3m^2 giá trị còn lại là 500.000 đồng; Sân bê tông có diện tích 44,7m^2 giá trị còn lại là 800.000 đồng; Lán lợp fibro xi măng có diện tích 21,0m^2 giá trị còn lại là 0 đồng; 01 bình nóng lạnh Ariston giá trị còn lại là 700.000 đồng (lắp tại công trình phụ).

- Các cây cối hoa màu trên đất: 01 cây quất trị giá 280.000 đồng; 01 khóm hoa giấy trị giá 174.000 đồng; 01 cây đinh lăng trị giá 20.000 đồng; 01 giàn nho trị giá 1.340.000 đồng; 01 khóm nhỏ lưỡi hổ trị giá 5.000 đồng; 01 cây dành dành trị giá 15.000 đồng; 01 khóm ớt 5.000 đồng; 01 cây xanh trị giá 70.000 đồng.

Tổng cộng **50.509.000 đồng** *(Năm mươi triệu năm trăm linh chín nghìn đồng)*. (Các tài sản này hiện nằm trên thửa đất số 6, tờ bản đồ số 21 tại Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình).

Ông D có trách nhiệm phải thanh toán cho bà Ch các khoản gồm:

- ½ giá trị tài sản chung tương ứng với số tiền 25.254.500 đồng;

- Tiền thanh toán giá trị tài sản riêng của bà Ch do ông D quản lý nhưng không còn, gồm: Tiền điều hòa 7.250.000 đồng và máy giặt 2.100.000 đồng, tổng cộng là 9.350.000 đồng.

- ½ số nợ chung của ông H 1.271.000 tương ứng với số tiền 635.500 đồng.

- Số tiền 11.566.000 đồng là tiền riêng của bà Ch bỏ ra lo việc ma chay, cúng lễ cho cụ Nguyễn Thị Th.

Tổng cộng ông D phải thanh toán cho bà Ch số tiền là **46.806.000 đồng.** Do ông D đã thanh toán cho bà Ch số tiền 24.000.000 đồng nên ông D còn phải thanh toán cho bà Ch số tiền là **22.806.000 đồng** ***(hai mươi hai triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng).***

8.2. Chia cho bà Vũ Thị Ch được nhận số tiền ông D thanh toán gồm:

- ½ giá trị tài sản là công trình xây dựng cùng cây cối, hoa màu trên đất tương ứng với số tiền 25.254.500 đồng.

- Tiền 01 điều hòa 7.250.000 đồng và 01 máy giặt 2.100.000 đồng, cộng 9.350.000 đồng là tài sản riêng của bà Ch do ông D quản lý nhưng không còn;

- ½ số nợ chung của ông H 1.271.000 đồng tương ứng với số tiền 635.500 đồng.

- Số tiền 11.566.000 đồng là tiền riêng của bà Ch bỏ ra lo việc ma chay, cúng lễ cho cụ Nguyễn Thị Th.

Tổng cộng bà Ch được nhận số tiền mà ông D thanh toán là **46.806.000 đồng**. Do bà Ch đã nhận được số tiền ông D thanh toán là 24.000.000 đồng nên

bà Ch còn được nhận thanh toán từ ông D số tiền là **22.806.000 đồng** ***(hai mươi hai triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng).***

8.3. Bà Ch có trách nhiệm trả cho ông Vũ Duy H số tiền 7.271.000 đồng *(Bẩy triệu hai trăm bẩy mươi mốt nghìn đồng)*, trong đó 1.271.000 đồng là nợ chung của bà Ch, ông D và 6.000.000 đồng là nợ riêng của bà Ch.

9. Buộc ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả lại anh Nguyễn Văn Ch1 01 chiếc tủ lạnh Samsung 208 lít giá trị còn lại 2.300.000 đồng.

10. Giao ông D sở hữu 01 xoong inox không vung 40 lít là tài sản ông D, bà Ch mượn của bà Vũ Thị Ph, trị giá 120.000 đồng, ông D không phải thanh toán giá trị chiếc xoong này cho bà Ph, bà Ch.

11. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Thanh Th về việc buộc ông D và bà Ch phải trả cho ông số tiền 1.900.000 đồng; Đình chỉ yêu cầu của bà Vũ Thị Ph về việc buộc ông D và bà Ch phải trả 01 xoong inox không vung 40 lít (Do ông Th, bà Ph rút yêu cầu).

12. Không xem xét giải quyết yêu cầu của ông D về việc buộc bà Ch trả cho ông D số tiền là 28.800.000 đồng do ông D không nộp tạm ứng án phí và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

13. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Bà Ch, ông D mỗi người phải chịu ½ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản ngày 09/8/2021, tương ứng số tiền 3.800.000 đồng : 2 = 1.900.000 đồng, bà Ch đã nộp đủ. Ông D có trách nhiệm thanh toán cho bà Ch số tiền 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*).

Không đặt ra giải quyết đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2023 (Bà Vũ Thị Ch đã tự nguyện nộp toàn bộ và đã thanh toán xong).

14. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị Ch phải chịu: 5% x (25.254.500 đồng + 6.000.000 đồng + 635.500 đồng) = 1.594.500 đồng tiền án phí chia tài sản và án phí trả nợ; 300.000 đồng tiền án phí phần không được Tòa án chấp nhận xác định tủ lạnh là tài sản chung; 300.000 đồng tiền án phí phần không được Tòa án chấp nhận xác định quyền sử dụng đất là tài sản chung (không giá ngạch). Tổng cộng tiền án phí bà Ch phải nộp là 2.194.500 đồng (*Hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng*). Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 5.000.000 đồng bà Ch đã nộp theo biên lai thu số 0004429 ngày 23/6/2021 được chuyển sang thi hành tiền án phí, bà Ch được trả lại 2.805.500 đồng *(hai triệu tám trăm linh năm nghìn năm trăm đồng)*.

- Ông Nguyễn Văn D phải chịu: 5% x (25.254.500 đồng + 635.500 đồng + 7.250.000 đồng + 2.100.000 đồng + 11.566.000 đồng) = 2.340.300 đồng *(hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm đồng)* tiền án phí chia tài sản, trả nợ chung của ông H và án phí không được chấp nhận là tài sản chung.

- Ông Vũ Duy H, anh Nguyễn Văn Ch1, ông Nguyễn Thanh Th và bà Vũ Thị Ph không phải nộp án phí sơ thẩm. Trả lại: Ông Vũ Duy H số tiền 363.000 đồng theo biên lai thu số 0004502 ngày 20/10/2021, ông Nguyễn Thanh Th số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004503 ngày 20/10/2021, anh Nguyễn Văn Ch1 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004545 ngày 22/11/2021 và bà Vũ Thị Ph số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004547 ngày 26/11/2021. *(Các Biên lai thu của bà Ch, ông H, ông Th, anh Ch1 và bà Ph đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

15. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, h.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phượng